

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HÀ LÊ HUYỀN

**QUAN HỆ THÁI LAN - VIỆT NAM
TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2011**

Chuyên ngành : Lịch sử thế giới

Mã số : 62 22 03 11

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC

HÀ NỘI - 2016

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS Hoàng Khắc Nam**

2. PGS.TS Võ Kim Cương

Phản biện 1: GS.TS. Đỗ Thanh Bình

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Quế

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Thanh Hiền

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại **Học viện Khoa học Xã hội**

Vào hồi.....giờ.....phút,.....ngày.....tháng.....năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Thư viện Quốc Gia

Thư viện Học viện Khoa học xã hội

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. *Hợp tác phát triển du lịch Việt Nam – Thái Lan 2000-2010*, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 3/2012, tr.76 – 82, ISSN 0868-2739
2. *Hợp tác giáo dục - đào tạo giữa các trường đại học của Thái Lan và Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI*, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 3/2015, tr.50- 55. ISSN 0868-2739
3. *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Thái Lan*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 4/2015, tr.65 - 70, ISSN 0866-7489
4. *Quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Thái Lan và Việt Nam từ năm 2001 đến nay*, Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, số 11/2015, tr.31 - 37, ISSN 0866-7314
5. *Lịch sử quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước năm 1991*, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 11/2015, tr.31- 38, ISSN 0868-2739
6. *Việt Nam – Thái Lan: Đẩy mạnh hợp tác phòng, chống tội phạm ma túy và mua bán người*, Thế giới Toàn cảnh, Chuyên đề của Tạp chí Khoa học và Chiến lược - Bộ Công An, số 69, tháng 8/2016, tr 38-39, ISSN 0866 - 7446.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Tình hình thế giới sau Chiến tranh Lạnh (1991) có diễn biến mới do những thay đổi tương quan lực lượng giữa các nước lớn. Mặc dù hòa bình đã trở thành xu thế nổi trội nhưng vẫn chưa phải là hòa bình bền vững hoàn toàn. Các cuộc chiến tranh cục bộ và xung đột khu vực vẫn tiếp tục diễn ra ở các mức độ, phạm vi khác nhau. Bên cạnh đó, sau Chiến tranh Lạnh, tất cả các nước đều tập trung vào khôi phục và phát triển kinh tế. Xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới đang tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các nước vừa và nhỏ tham gia một cách chủ động, tích cực vào quá trình hội nhập quốc tế dưới các hình thức khác nhau để tăng cường vị thế của mình. Thái Lan và Việt Nam cũng nằm trong sự vận động đó.

1.2. Đông Nam Á là một trong những khu vực phát triển năng động trên thế giới hiện nay, bao gồm mười một quốc gia với nhiều nét tương đồng về tự nhiên, văn hóa và xã hội, nên người dân các nước trong khu vực có những phong tục, tập quán, tín ngưỡng rất gần gũi nhau. Chính những nét tương đồng này là yếu tố quan trọng thúc đẩy các quốc gia tăng cường quan hệ hợp tác, vì “Việc quan tâm đầy đủ đến quan hệ láng giềng là cần thiết và vô cùng quan trọng. Có sự hội nhập tốt trong khu vực thì mới có điều kiện thuận lợi cho sự hội nhập với thế giới”. Quan hệ Thái Lan - Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ.

Đặc biệt hai nước lại đều là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), vai trò của Thái Lan và Việt Nam trong quá trình phát triển khu vực ngày càng gia tăng, mọi đề xuất và chiến lược ngoại giao của Thái Lan đối với khu vực nhất định sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới Việt Nam nói riêng. Từ thực tiễn của quan hệ hai nước thời gian qua, cho dù không thể không bị chi phối bởi tác động của xu thế phát triển của thế giới, nhất là các cường quốc lớn, nhưng xét cho cùng xu thế phát triển quan hệ Thái Lan - Việt Nam là khó thay đổi được vì những bài học của lịch sử, nhất là kết quả hợp tác trong thời gian qua và mục đích chung của hai nước là cùng ổn định và phát triển bền vững để cùng nhau góp phần xây dựng cộng đồng ASEAN ổn định, vững mạnh, ngày càng có vai trò, vị trí quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Đặc biệt, từ năm 1991 đến năm 2011, hợp tác Việt Nam - Thái Lan ngày càng được củng cố, phát triển trên nhiều lĩnh vực cả song phương và đa phương vì lợi ích của hai dân tộc, cũng như vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát

triển của khu vực và trên thế giới. Chính vì thế, việc tìm hiểu vấn đề này không chỉ phác dựng lại mối quan hệ giữa hai quốc gia mà còn giúp hiểu rõ một nội dung quan trọng của các mối quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Nam Á.

1.3. Theo dòng chảy lịch sử, mối quan hệ hai nước cũng chịu tác động của tình hình quốc tế, khu vực và nhân tố nội tại của mỗi quốc gia nên giữa hai nước không tránh khỏi những xung đột về “lợi ích” và “ý thức hệ”. Tuy nhiên trải qua những thăng trầm, mối quan hệ này ngày càng trở nên gắn bó. Việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Thái Lan ngày 6/8/1976 đã mở ra một trang sử mới trong quan hệ giữa hai nước. Đặc biệt là từ sau Chiến tranh Lạnh, hợp tác hai nước ngày càng phát triển mạnh mẽ và toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội, đóng góp không nhỏ cho quá trình xây dựng mối quan hệ hữu nghị, bền vững của Thái Lan và Việt Nam.

1.4. Trong lịch sử phát triển của khu vực, Thái Lan và Việt Nam là hai quốc gia có mối quan hệ lâu đời và có tầm ảnh hưởng không nhỏ đến các nước khác. Bước vào thế kỷ XX, hai nước có chế độ chính trị khác nhau đã tự lựa chọn con đường riêng để phát triển và đạt được nhiều thành tựu cũng như đúc rút những kinh nghiệm mà mỗi nước có thể vận dụng để xây dựng và phát triển cho riêng mình. Việc tìm hiểu đề tài “Quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011” chọn góc độ từ Thái Lan để nghiên cứu vì thứ nhất là góc độ nghiên cứu từ Việt Nam đã có khá nhiều tác giả viết. Thứ hai là nghiên cứu vấn đề này từ góc độ Thái Lan để có cách nhìn đa chiều và khách quan hơn về mối quan hệ giữa hai nước, hay nói một cách khác là nhằm tìm hiểu sâu hơn, xác thực hơn về những mục tiêu mà Thái Lan đặt ra trong quan hệ với Việt Nam, từ đó góp phần tăng cường, củng cố và phát triển quan hệ hai nước bền vững hơn nữa trong thời gian tới.

Xuất phát từ những thành quả đã đạt được và tầm quan trọng của quan hệ hai nước tác động đến lợi ích quốc gia, dân tộc và khu vực là rất cần thiết, tác giả đã chọn **“Quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011”** làm đề tài luận án nhằm nghiên cứu một cách có hệ thống quan hệ đối ngoại của hai nước, phân tích cơ sở hình thành và phát triển của mối quan hệ chính trị, kinh tế và một số lĩnh vực khác trong quan hệ Thái Lan - Việt Nam. Từ những phân tích đó, tác giả mong muốn rút ra những nhận xét để có thêm cơ sở khoa học nhằm góp phần đưa mối quan hệ giữa hai nước ngày càng phát triển hơn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Mục đích nghiên cứu:

Luận án làm rõ quá trình vận động của quan hệ song phương giữa Thái Lan và Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011, từ đó nêu lên những đánh giá và tác động của mối quan hệ này đối với sự phát triển của hai nước cũng như đối với khu vực.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Phân tích những nhân tố tác động đến quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011

- Làm rõ sự tiến triển quan hệ của Thái Lan và Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011 trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế và một số lĩnh vực khác...

- Từ kết quả nghiên cứu quan hệ hai nước Thái Lan, Việt Nam sau Chiến tranh Lạnh đến năm 2011, đánh giá và phân tích tác động của mối quan hệ này tới sự phát triển của Thái Lan, của Việt Nam và với ASEAN.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu chính của luận án là quan hệ song phương giữa Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011 trên các phương diện chính trị, kinh tế và một số lĩnh vực khác.

Phạm vi nghiên cứu:

Về thời gian: Nghiên cứu sinh chọn giai đoạn 1991 - 2011 làm khung thời gian của bản luận án.

Việc xác định mốc mở đầu là năm 1991 vì đây là thời điểm kết thúc của Chiến tranh Lạnh, do vậy các cường quốc phải đánh giá lại vị thế quốc tế mới của mình và có sự điều chỉnh về chiến lược phát triển cũng như chính sách đối ngoại để thích nghi với tình hình mới. Điều đó đã tác động đến tổng thể mối quan hệ Thái Lan và Việt Nam. Bên cạnh đó, đây là năm Thủ tướng Anand Panyarachun lên nắm quyền - ông là người có công khởi xướng các cải cách kinh tế và dân chủ Thái Lan, còn ở Việt Nam đã trải qua 5 năm thực hiện công cuộc đổi mới (1986-1991) và bắt đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 2011 được chọn là mốc kết thúc thời gian nghiên cứu vì đây là năm đánh dấu kỉ niệm 35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Thái Lan - Việt Nam (1976-2011), đồng thời là năm kết thúc nhiệm kỳ của Thủ tướng Abhisit Vejjajiva - đại diện cho Đảng dân chủ và bà Yingluck Shinawatra

trở thành nữ Thủ tướng đầu tiên ở Thái Lan. Còn Việt Nam đã trải qua 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới và đẩy mạnh sự nghiệp hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về không gian: Đề tài nghiên cứu về mối quan hệ song phương nên không gian nghiên cứu chính là hai nước Thái Lan và Việt Nam. Bên cạnh đó, mối quan hệ này cũng được đặt trong sự vận động của khu vực Đông Nam Á và quốc tế để có cái nhìn khái quát về các nhân tố ảnh hưởng tới quan hệ của hai nước.

Quan hệ Thái Lan - Việt Nam diễn ra trên hai bình diện đó là cơ chế hợp tác song phương và đa phương nhưng giới hạn trong khuôn khổ đề tài chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu nhấn mạnh về cơ chế hợp tác song phương, có nghĩa là nghiên cứu về mối quan hệ hai chiều Thái Lan - Việt Nam và Việt Nam - Thái Lan.

Về nội dung: Luận án sẽ nghiên cứu các nhân tố tác động đến quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011, phân tích sự tiến triển quan hai nước trên các lĩnh vực chính trị, an ninh, kinh tế và văn hóa, du lịch, giáo dục đào tạo... Từ đó đưa ra những đánh giá và phân tích tác động của mối quan hệ này tới sự phát triển của Thái Lan, của Việt Nam và tới ASEAN.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

Cơ sở phương pháp luận: Luận án sử dụng hệ thống các quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử của học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thế giới, về khu vực và quan hệ quốc tế ở thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh làm phương pháp luận để nghiên cứu đề tài. Bên cạnh đó cơ sở lý luận về quan hệ quốc tế, những thuyết về chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa thể chế, thuyết về địa chính trị... cũng được sử dụng.

Phương pháp nghiên cứu: Đây là đề tài nghiên cứu lịch sử thế giới về quan hệ của hai nước nên tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử (bao gồm cả phương pháp lịch đại và đồng đại) và phương pháp logic - lịch sử để tìm ra bản chất, tính phổ biến, sự lặp đi lặp lại hay quy luật vận động và phát triển khách quan của mối quan hệ hai nước. Bên cạnh đó, nghiên cứu sinh còn sử dụng các phương pháp quan hệ quốc tế, thống kê, so sánh...

Như vậy, việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu trên để giúp nghiên cứu sinh có phương pháp tiếp cận đúng hướng về đề tài.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Có thể khẳng định, luận án là công trình chuyên khảo đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu một cách có hệ thống về quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011, cho nên luận án sẽ có những đóng góp mới về khoa học đó là từ góc nhìn của nhà nghiên cứu Việt Nam trên cơ sở những nguồn tài liệu đa chiều, luận án nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về các nhân tố tác động, sự tiến triển trong quan hệ hai nước Thái Lan và Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011 dựa trên các lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội và rút ra những nhận xét về mối quan hệ đối với tình hình của mỗi nước và khu vực.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về lý luận:

Thứ nhất, luận án sẽ đóng góp cho việc kết hợp cách tiếp cận lịch sử với cách tiếp cận quan hệ quốc tế và cách tiếp cận đa ngành. Điều này được phản ánh trong việc trình bày quan hệ theo chiều dài lịch sử trên nhiều lĩnh vực khác nhau, kết hợp với cách tiếp cận của Chủ nghĩa Tự do và phần nào đó là Chủ nghĩa Kiến tạo trong quan hệ quốc tế.

Thứ hai, luận án cung cấp thêm cơ sở lý luận cho việc phân tích quan hệ song phương trên các cấp độ phân tích là thế giới, khu vực, quốc gia và cá nhân.

Thứ ba, luận án đóng góp lý luận cho việc phân tích một mối quan hệ song phương giữa hai nước vừa trong một khu vực vừa trong sự tương tác với các nước lớn.

Thứ tư, luận án đóng góp lý luận cho việc chuyên hóa quan hệ lịch sử vốn tồn tại nhiều vấn đề lịch sử sang quan hệ hợp tác toàn diện.

Về thực tiễn:

Thứ nhất, luận án sẽ là những gợi mở cho việc hoạch định chính sách trong quan hệ của hai nước. Đây là bước rất quan trọng vì hoạch định chính sách đúng đắn, khoa học sẽ xây dựng được chính sách tốt, là tiền đề để chính sách đó mang lại hiệu quả cao trong việc thúc đẩy mối quan hệ hai nước Thái Lan - Việt Nam ngày càng phát triển, toàn diện và sâu sắc.

Thứ hai, luận án là nguồn tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, sinh viên khoa Lịch Sử và những độc giả quan tâm đến đề tài quan hệ Thái Lan - Việt Nam nói riêng và đối với đề tài hợp tác chính trị, ngoại giao, kinh tế của các nước ASEAN nói chung.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 5 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Những nhân tố tác động đến quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011

Chương 3: Quan hệ chính trị - an ninh giữa Thái Lan và Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011

Chương 4: Quan hệ kinh tế và một số lĩnh vực khác giữa Thái Lan và Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011

Chương 5: Một số nhận xét về quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài quan hệ Thái Lan - Việt Nam

** Những công trình nghiên cứu về quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước năm 1991*

Các công trình nghiên cứu về quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước năm 1991 ở trong nước không nhiều. Hiện nay chúng tôi mới tiếp cận được cuốn sách *Quan hệ Thái Lan - Việt Nam cuối thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX* của tác giả Đặng Văn Chương, Nxb ĐH Sư Phạm, 2010, 184 trang. Bên cạnh đó, còn các cuốn *Quan hệ thương mại giữa Đại Việt và Xiêm từ thế kỷ XII đến giữa thế kỷ XIX* tác giả Nguyễn Thị Thi, công trình *Sơ thảo lịch sử quan hệ của Thái Lan với Campuchia, Lào, Việt Nam* của Viện Đông Nam Á, năm 1986, 131 trang, tác giả Nguyễn Khánh Vân.

Bên cạnh đó, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á cũng có các bài viết như: *Tư bản phương Tây với quan hệ ngoại giao Việt Nam - Đông Nam Á thế kỷ XIX*, *Bước đầu đánh giá vai trò của Thái Lan trong chiến tranh Việt Nam 1954-1975...*

Như vậy, trong các công trình nghiên cứu quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước năm 1991 các học giả chủ yếu xoay quanh vấn đề về chính trị, ngoại giao trong lịch sử quan hệ của hai nước mà chưa đề cập đến quan hệ kinh tế, văn hóa - xã hội... Điều đó có thể lí giải được là do bối cảnh

của tình hình hai nước lúc bấy giờ đã chi phối tới tính chất quan hệ của Thái Lan và Việt Nam.

** Những công trình nghiên cứu về quan hệ Thái Lan - Việt Nam sau năm 1991*

Tác giả Nguyễn Tương Lai (2001) đã xuất bản cuốn *Quan hệ Việt Nam - Thái Lan trong những năm 90*, tiến hành nghiên cứu chiều hướng phát triển của quan hệ hai nước. Nghiên cứu một cách toàn diện về quan hệ hai nước từ khi ký Hiệp định thiết lập quan hệ ngoại giao 6/8/1976 có cuốn sách *Quan hệ Việt Nam - Thái Lan 1976 - 2000* của tác giả Hoàng Khắc Nam đã dựng lại quá trình diễn biến với những đặc điểm và tính chất quan hệ Việt Nam - Thái Lan trong các thời kỳ khác nhau.

Giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh, quan hệ Thái Lan - Việt Nam có rất nhiều bài viết được đăng trên các tạp chí uy tín như: Nghiên cứu Đông Nam Á, Nghiên cứu Lịch sử, Thông tân xã Việt Nam, Nghiên cứu Kinh tế, Nghiên cứu Quốc tế... Tiêu biểu là *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* có bài viết của tác giả Trương Duy Hòa: *Quan hệ đầu tư Thái Lan - Đông Dương*, số 1 năm 1996, *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Thái Lan: 20 năm phát triển* tác giả Hà Huy Thành, số 1 năm 1997, tác giả Nguyễn Diệu Hùng có bài viết *Quan hệ Việt Nam - Thái Lan từ đầu thập kỷ 90 (thế kỷ XX) đến nay*, số 4, năm 2001, tác giả Nguyễn Thị Hoàn có bài viết *30 năm quan hệ hợp tác Việt Nam - Thái Lan* đăng trên số 5, năm 2005...

Những công trình nghiên cứu trong nước liên quan tới đề tài quan hệ Thái Lan - Việt Nam khá phong phú, đây chính là những nguồn tư liệu quan trọng giúp tác giả có những hiểu biết chung về mối quan hệ hai nước.

1.1.2 Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan gián tiếp đến đề tài

Nghiên cứu về bối cảnh quốc tế và khu vực trong giai đoạn này có các công trình như: *Lịch sử thế giới hiện đại* tác giả Nguyễn Anh Thái (2006), Nxb Giáo dục, Hà Nội; *Những vấn đề toàn cầu trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI* của Nguyễn Trọng Chuẩn (chủ biên), *Quan hệ quốc tế những khía cạnh lý thuyết và vấn đề* tác giả Nguyễn Quốc Hùng, Hoàng Khắc Nam (2006), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; *Hòa bình - hợp tác và phát triển: Xu thế lớn trên thế giới hiện nay* của Lê Minh Quân (2010), Nxb Chính trị Quốc gia; *Nhân tố địa - chính trị trong chiến lược toàn cầu mới của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á* của tác giả Nguyễn Văn Lan (2007); *Những vấn đề chính trị kinh tế Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI* tác giả Trần Khánh (chủ biên); *Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á ba thập niên đầu sau Chiến tranh Lạnh* của tác giả Trần Khánh (chủ biên)...

Tài liệu nghiên cứu về bối cảnh của tình hình Việt Nam và Thái Lan tác động tới quan hệ hai nước cũng khá phong phú, phải kể đến các công trình như: *Về tình hình thế giới hiện nay và chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2005); *Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam 10 năm (1991-2000)*; *Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam 10 năm (2001-2010)* Tổng cục Thống kê (2011), Nxb Thống kê, Hà Nội; *Việt Nam-ASEAN: quan hệ đa phương và song phương của Vũ Dương Ninh* (2004), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội... Liên quan đến chính sách đối ngoại của Việt Nam có cuốn sách: *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940-2010)* của tác giả Vũ Dương Ninh gồm 9 chương.

Tìm hiểu các công trình nghiên cứu về lịch sử Thái Lan có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình nghiên cứu về quan hệ hai nước giai đoạn 1991-2011. Tác giả Nguyễn Khắc Viện chủ biên cuốn *Thái Lan một số nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và lịch sử*; tác giả Quế Lai chủ biên cuốn *Thái Lan - truyền thống và hiện đại*; tác giả Lê Văn Quang với công trình *Lịch sử Vương Quốc Thái Lan*; hay cuốn *Lịch sử Thái Lan* do đồng tác giả Phạm Nguyên Long, Nguyễn Tương Lai (chủ biên)...

Trên đây là những công trình nghiên cứu mang tính khái quát về tình hình thế giới và khu vực tác động chi phối đến mối quan hệ hai nước. Thái Lan và Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực, quan hệ Thái Lan - Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế không ngừng mở rộng. Do vậy, mọi diễn biến tích cực hay tiêu cực của tình hình an ninh, chính trị, kinh tế thế giới, khu vực và nội tình hai nước đều tác động đến quan hệ đối ngoại của Thái Lan và Việt Nam.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1.2.1 Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài (tiếng Anh)

* *Những công trình nghiên cứu về quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước năm 1991*

Quan hệ hai nước được nghiên cứu bằng tiếng nước ngoài còn khá ít. Công trình nghiên cứu *Thái Lan và mạng lưới Đông Nam Á của cách mạng Việt Nam 1885-1954* (Thailand and the Southeast Asian: Networks of the Vietnamese revolution 1885-1954) tác giả Christopher E. Goscha. Tác giả Surin Maisrikrod có bài viết *Nghị trình chính sách của Thái Lan đối với Đông Dương* (Thailand's Policy Dilemmas Toward Indochina), Contemporary Southeast Asia. Tác giả Larry A. Nixsch có bài viết: *Thái Lan năm 1980: Cuộc đối đầu với Việt Nam và sự sụp đổ của*

Kriangsak (Thailand in 1980: Confrontation with Vietnam and the Fall of Kriangsak)...

* *Những công trình nghiên cứu về quan hệ Thái Lan - Việt Nam sau năm 1991*

Cuốn sách *25 năm quan hệ Thái Lan - Việt Nam* (Twenty - five years of Thai - Vietnamese relationship) của nhóm tác giả Thanyathip Sripana, Theera Nuchpiam, Phạm Đức Thành, *Nền hòa bình bị ngăn cách ở Đông Nam Á: Kinh tế chính trị học của mối quan hệ Thái-Việt mới* (The Peace Dividend in Southeast Asia: The Political Economy of New Thai-Vietnamese Relations) của Surin Maisrirrod...

1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài (tiếng Thái Lan)

Tác giả Chum phon Lót Răthaca với công trình *Cuộc chiến tranh Việt Nam - Thái Lan*, Nxb Cha ron phân phân tích thực trạng của bối cảnh xã hội Thái Lan vào những năm 70 của thế kỷ XX. Chỉ ra viễn cảnh giữa Việt Nam- Thái Lan, sự mâu thuẫn và dự đoán về hành động của Việt Nam đối với khu vực Thái Lan và khu vực Đông Nam Á. Trong cuốn *Tập hợp thông tin về pháp luật, quy định, nguyên tắc trong thương mại và đầu tư giữa Thái Lan và khu vực Đông Dương* của các tác giả Phiphat Rurongngam, Thanyathip Sripana, Manac Malaphet, Thanyathip Sripana là một học giả người Thái, dành rất nhiều thời gian và tâm huyết nghiên cứu về mối quan hệ Thái Lan -Việt Nam. Tác giả Thanyathip Sripana có công trình viết bằng tiếng Thái rất nổi tiếng đó là *Việt kiều Thái Lan trong mối quan hệ Thái - Việt* đã được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau như tiếng Anh và tiếng Việt. Tác giả Somchai Phagaphasvivat (1996) đã viết về *10 năm thương mại và đầu tư Thái Lan tại Việt Nam: Những khó khăn và cơ hội hợp tác*. Bên cạnh đó cũng có một số luận án tiến sĩ nghiên cứu về mối quan hệ hai nước Thái Lan - Việt Nam đó là của tác giả Boonrat Ratborirat (2006), *Chính sách ngoại giao của Thái Lan đối với Việt Nam từ Thủ tướng Chavalit Yongchaiyudh đến Thủ tướng Thaksin Shinawatra (năm 1998 – 2004)*.

1.2.3. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan gián tiếp đến đề tài:

Liên quan đến bối cảnh các nước trong khu vực Đông Nam Á, tác giả D.G.E Hall xuất bản cuốn *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội 1997, 1295 trang. Viết về Thái Lan có cuốn sách *A History of Thailand* của Rong Syamananda. Tác giả Micheal Smithies với công trình *Description of Old Siam* (New York : Oxford University Press, 1995, 302 trang) giới thiệu về Thái Lan qua các thời kỳ lịch sử từ thế kỷ thứ 16 đến

thế kỷ 20. Hay Craig J. Reynolds với cuốn sách *Seditious Histories: Contesting Thai and Southeast Asian Pasts* (Lịch sử nổi loạn: Tranh cãi về quá khứ của người Thái và Đông Nam Á) (University of Washington Press; Singapore University Press, 2006, 367 trang) viết về lịch sử của người Thái và Đông Nam Á. Cuốn sách *A history of Thailand* của tác giả Chris Baker và Pasuk Phongpaichit, Chulalongkorn University. Viết về kinh tế và chính trị Thái Lan có cuốn sách *Thailand: Economic and Politics*, Oxford University Press, 2002, 520 trang của nhóm tác giả Pasuk Phongpaichit và Chris Baker đã cung cấp các dữ liệu cùng với những kết quả nghiên cứu rất toàn diện về hệ thống chính trị và kinh tế Thái Lan hiện đại. ...

1.3. Một vài nhận xét về tình hình nghiên cứu

Qua quá trình thu thập và phân tích nguồn tài liệu liên quan đến quan hệ Thái Lan - Việt Nam (1991-2011) có thể rút ra một vài nhận xét sau:

Thứ nhất, nguồn tài liệu khá phong phú về số lượng và nội dung, phản ánh từng bước thăng trầm trong lịch sử quan hệ hai nước Thái Lan - Việt Nam chứng tỏ việc nghiên cứu về vấn đề này rất được quan tâm. Tuy nhiên các bài viết chủ yếu tập trung phân tích một mảng, một vấn đề nào đó trong quan hệ hai nước Thái Lan và Việt Nam chứ không mang tính tổng hợp một cách có hệ thống trong nghiên cứu về sự hợp tác giữa hai nước.

Thứ hai, trong quá trình khảo sát tài liệu, chúng tôi thấy công trình nghiên cứu trong nước tương đối đa dạng còn ở nước ngoài thì khá khan hiếm và các công trình nghiên cứu về quan hệ giữa Thái Lan và Việt Nam tập trung chủ yếu ở thư viện Viện Nghiên cứu Đông Nam Á - một cơ quan đầu ngành nghiên cứu về các nước Đông Nam Á khai thác dưới dạng đề tài cấp viện, đề tài cấp bộ và các cuộc hội thảo, luận văn và luận án.

Thứ ba, các công trình tiếp cận về lĩnh vực chính trị và kinh tế trong mối quan hệ hai nước là chủ yếu, tuy nhiên, về lĩnh vực hợp tác như du lịch, giáo dục đào tạo, giáo dục đào tạo... mặc dù kết quả còn rất khiêm tốn, thì vẫn chưa được đề cập đến nhiều.

Thứ tư, theo như tiếp cận của chúng tôi, ở trong nước chưa có một học giả người Việt Nam nào viết về quan hệ Thái Lan - Việt Nam (giai đoạn 1991-2011) chọn Thái Lan là góc độ nghiên cứu thứ nhất như một công trình nghiên cứu chuyên khảo mà chỉ có các công trình nghiên cứu liên quan đến quan hệ Việt Nam - Thái Lan chọn Việt Nam là góc độ nghiên cứu thứ nhất.

Trước những nguồn tài liệu thu thập được chứng tỏ mối quan hệ Thái Lan - Việt Nam rất được quan tâm vì quan hệ của hai nước không chỉ ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia mà còn ảnh hưởng tới khu vực và quốc tế. Các công trình nói trên, ở mức độ khác nhau, ở thời điểm khác nhau đã giúp tác giả có một số tư liệu cần thiết để có thể hình thành sự hiểu biết chung, là những gợi mở quý giá có tác dụng tham khảo bổ ích, bổ sung cho quá trình thực hiện luận án. Tuy nhiên cho đến nay, qua các công trình tác giả tiếp cận được thì viết về quan hệ Thái Lan - Việt Nam giai đoạn 1991-2011 ở mức độ chuyên sâu thì chưa có một công trình nghiên cứu hoàn chỉnh. Điều đó lí giải vì sao tác giả chọn đề tài này để viết luận án. Khắc phục những hạn chế vừa trình bày, trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc các nguồn tài liệu phong phú, những gợi ý và kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả đi trước, chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu với cách nhìn nhận cụ thể và hệ thống hơn.

CHƯƠNG 2: NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ THÁI LAN - VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2011

2.1. Khái quát lịch sử quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước năm 1991

2.1.1. *Quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước năm 1945*

Cộng đồng người Thái - Việt có quan hệ với nhau qua mối giao thương của đội ngũ thương nhân. Từ nửa đầu thế kỷ XIX, quan hệ Thái Lan - Việt Nam có sự đối địch bắt nguồn từ tranh chấp ảnh hưởng đối với Campuchia. Tuy nhiên, từ năm 1883 đến năm 1945, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhiều nhà cách mạng nổi tiếng đã sang Thái Lan nương náu. Quan hệ Việt - Thái Lan thể hiện sự gắn bó, đoàn kết và tương trợ lẫn nhau rất rõ trong thời kì này.

2.1.2. *Quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1945 đến 1975*

Trong giai đoạn từ năm 1945 đến 1954, quan hệ Việt Nam - Thái Lan bước sang một chương mới: trở thành quan hệ giữa hai quốc gia có chủ quyền ở Đông Nam Á. Tính khu vực cũng bắt đầu được thể hiện rõ hơn. Tính chất quan hệ chủ yếu của Việt Nam - Thái Lan thời kì 1954 - 1975 chủ yếu là căng thẳng mà biểu hiện đỉnh cao của nó là sự tham gia trực tiếp của quân đội Thái Lan trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới và khu vực, quan hệ hai nước cũng bắt đầu dần dần được cải thiện nhất là sau khi Việt Nam hoàn toàn giải phóng

(1975) mặc dù việc bình thường hóa quan hệ diễn ra rất chậm chạp nhưng đó cũng là dấu hiệu tốt cho mối quan hệ của hai nước.

2.1.3. Quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1976 đến 1991

Dấu mốc quan trọng trong hợp tác Việt Nam - Thái Lan là Tuyên bố chung về việc thiết lập quan hệ ngoại giao hai nước được ký kết tại Hà Nội ngày 6/8/1976. Tuy nhiên, từ năm 1979 đến năm 1985, quan hệ Thái Lan - Việt Nam đã trở lại tình trạng đối đầu do “vấn đề Campuchia”. Quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1986 đến năm 1991 đã dần giảm bớt sự đối đầu, chuyển sang xu thế hòa dịu và tăng cường đối thoại.

Tóm lại, quan hệ Thái Lan - Việt Nam đã hình thành từ rất sớm. Dưới tác động của tình hình thế giới, khu vực và nội bộ của hai nước, quan hệ này có nhiều biến chuyển, trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm, phức tạp nhưng ngày càng được cải thiện, mở rộng và phát triển. Mối quan hệ này ngày càng được tăng cường khi hòa bình, ổn định, hợp tác đang là xu thế nổi trội trên thế giới. Hiện nay hai nước tăng cường thúc đẩy quan hệ hợp tác nhằm mục đích ổn định và phát triển bền vững để cùng góp phần xây dựng cộng đồng ASEAN phát triển ổn định, vững mạnh, ngày càng có vai trò, vị trí quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

2.2. Tình hình thế giới, khu vực, Thái Lan, Việt Nam tác động đến quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011

2.2.1. Tình hình thế giới, khu vực

* Từ năm 1991 đến năm 2000 tình hình thế giới và khu vực nổi lên mấy vấn đề sau :

Thứ nhất, sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc (1991), xu thế chủ đạo trong mối quan hệ quốc tế vẫn là hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển nhưng còn tồn tại không ít vấn đề phức tạp.

Thứ hai, các nước lớn điều chỉnh quan hệ với nhau theo chiều hướng xây dựng quan hệ bạn bè chiến lược ổn định và cân bằng hướng về lâu dài. Mỹ vẫn thể hiện là vị trí siêu cường và cùng các nước lớn (Tây Âu, Nhật Bản) có tiếng nói quyết định trong nhiều vấn đề của thế giới. Các nước đang phát triển nỗ lực để thể hiện mình trong hệ thống quốc tế mới. Vai trò của các nước khác dần một tăng, nhất là trong vấn đề an ninh khu vực.

Thứ ba, sau “Vấn đề Campuchia”, các nước ASEAN hướng tới một khu vực Đông Nam Á có môi trường hòa bình và ổn định để phát triển kinh tế.

Thứ tư, địa vị chính trị - kinh tế của khu vực cũng không ngừng tăng cường: hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN, thúc đẩy cơ chế hợp tác ASEAN+3.

Thứ năm, Chiến tranh Lạnh kết thúc, thách thức của tình hình mới nhất là an ninh trên biển Đông, các nước trong khu vực tăng cường hội nhập và xây dựng lòng tin để duy trì một trường hòa bình.

*Từ năm 2001 đến năm 2011 tình hình thế giới và khu vực có sự thay đổi:

Thứ nhất, cục diện thế giới đa cực dần xuất hiện, với vai trò ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ.

Thứ hai, xu thế hợp tác, liên kết tại Châu Á - Thái Bình Dương đang diễn ra sôi động, nhưng cũng tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định, đặc biệt là tranh chấp lãnh thổ, biển đảo...

Thứ ba, “yếu tố” Trung Quốc chi phối mạnh mẽ tới các nước, từng bước thực hiện “giấc mơ Trung Hoa”, khẳng định chủ quyền Biển Đông.

Thứ tư, sự trỗi dậy của Trung Quốc đã thu hút sự quan tâm của Nhật Bản. Nhật Bản nhấn mạnh ASEAN đóng vai trò trọng yếu trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản.

2.3. Tình hình Thái Lan và Việt Nam tác động đến quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011

2.3.1. Tình hình Thái Lan

* Chính trị Thái Lan nổi lên 5 vấn đề sau :

Thứ nhất, khủng hoảng chính trị diễn ra “thường xuyên” thể hiện sự yếu kém của quá trình dân chủ hoá.

Thứ hai, tình trạng tham nhũng ra tăng

Thứ ba, xung đột sắc tộc, tôn giáo ở Thái Lan ngày càng căng thẳng.

Thứ tư, sự trở lại của giới quân sự trong nền chính trị Thái Lan.

Thứ năm, vai trò của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tầng lớp trung lưu và xã hội dân sự ngày càng phát triển ở Thái Lan.

* Chính sách đối ngoại của Thái Lan

Quá trình “dân chủ hóa” nên chính trị Thái Lan có nhiều biến động, các giới cầm quyền thay đổi liên tục. Tuy nhiên chính sách đối ngoại vẫn mang tính truyền thống đó là ngoại giao “cây tre” uyển chuyển, linh hoạt, cơ hội và thực dụng.

2.3.2. Tình hình Việt Nam

Về phát triển kinh tế, đất nước ra khỏi khủng hoảng, kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng nhanh.

Về phát triển các mặt xã hội: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đời sống của đại bộ phận dân cư được cải thiện rõ rệt.

Về hoạt động đối ngoại:

Thứ nhất, tạo dựng mối quan hệ và củng cố môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, tăng cường hội nhập với các tổ chức quốc tế và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Thứ ba, ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi góp phần vào công cuộc phát triển đất nước, mở rộng hợp tác kinh tế.

Thứ tư, chủ động tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tiểu kết chương 2

Như vậy, với lịch sử quan hệ lâu đời cộng với tác động của tình hình thế giới, khu vực và nội tại của hai nước chính là nhân tố ảnh hưởng tới quan hệ Thái Lan - Việt Nam ngày càng khăng khít hơn, đặc biệt là trong giai đoạn 1991-2011.

CHƯƠNG 3 : QUAN HỆ CHÍNH TRỊ - AN NINH GIỮA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2011

3.1. Quan hệ chính trị - ngoại giao

3.1.1. Giai đoạn 1991 - 2000:

Đầu năm 1990, hai chính phủ Thái Lan và Việt Nam đều thống nhất cho rằng, để thúc đẩy quan hệ hai nước tiến lên một bước mới, xoá bỏ mọi nghi kị, cảm thông và hợp tác với nhau cùng phát triển, cần phải tổ chức một hội nghị cấp cao, thông qua đó xác lập một phương hướng rõ ràng về những mục tiêu cụ thể cho quan hệ hợp tác trong tương lai.

Tháng 10/1991, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã sang thăm chính thức Thái Lan. Chuyến thăm này không chỉ mang lại những kết quả về chính trị, ngoại giao, kinh tế mà còn góp phần cải thiện cách nhìn nhận của giới quân sự Thái Lan đối với Việt Nam. Sau đó, từ ngày 6 đến 8/1/1992 tư lệnh quân lực Thái Lan tướng Suchinda đã đến Việt Nam, đây cũng là sự kiện mở đầu cho quá trình bình thường hoá quan hệ và góp phần nâng cao thái độ tin cậy lẫn nhau giữa quân đội hai nước.

Tiếp theo, hàng loạt các chuyến thăm cấp cao diễn ra. Về phía Thái Lan sang Việt Nam có Thủ tướng Anand Panyarachun (1992), Thủ tướng Chuan Leekpai (1994)... Về phía Việt Nam sang Thái Lan có Thủ tướng Võ Văn Kiệt (1993), Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười - đánh dấu sự kiện đây là lần đầu tiên trong lịch sử quan hệ hai nước, một vị lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam đến thăm Thái Lan.

Từ các chuyến thăm cấp cao, hàng loạt các Hiệp định được kí kết như: Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (23/12/1992); Hiệp định tín dụng Thái Lan cho Việt Nam vay 150 triệu Baht; Hiệp định hợp tác du lịch và Hiệp định thoả thuận giữa Hội đồng Công nghệ Thái Lan và Phòng Thương mại và Công nghệ Việt Nam.

Sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN, mối quan hệ Thái Lan - Việt Nam được nâng lên cấp độ cao hơn trước đó. Đây là giai đoạn quan hệ chính trị- ngoại giao giữa hai nước luôn được tăng cường, nhiều cuộc viếng thăm từ hai phía được khẩn trương triển khai. Bộ trưởng quốc phòng Việt Nam Đoàn Khuê (2/1995), Chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nông Đức Mạnh (9/1996), Chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nông Đức Mạnh (9/1996), Chủ tịch nước Trần Đức Lương (10/1998) đã sang thăm Thái Lan. Ngược lại, Thủ tướng Thái Lan Banharn Silpa - Archa (10/1995), Bộ trưởng Ngoại giao Kasem Kasemri (4/1996), Thủ tướng Thái Lan Chavalit Yongchaiyudh (7/1997)... đã đến Việt Nam.

Hai bên ký kết các Hiệp định quan trọng như :Hiệp định hợp tác phát triển bền vững sông Mêkông, thành lập Uỷ hội sông Mêkông gồm bốn nước tham gia Việt Nam, Thái Lan, Lào, Campuchia (2/1995), Hiệp định hợp tác khoa học công nghệ - môi trường, Hiệp định lãnh sự (ngày 12/3/1997), Hiệp định phân định biên giới trên biển (9/8/1997), Hiệp định tuần tra chung trên biển của hải quân hai nước (6/1999).

Như vậy, quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2000 là một bước phát triển cao hơn rất nhiều so với trước năm 1991. Giai đoạn này đã xây dựng được lòng tin lẫn nhau, giải quyết được nhiều vấn đề tồn tại trong quan hệ hai nước trước kia và quan trọng là đặt nền móng cho quan hệ Thái Lan - Việt Nam giai đoạn sau khi mà hòa bình, ổn định, hợp tác đang là xu thế nổi trội trên thế giới.

3.1.2. Giai đoạn 2001-2011

Kế thừa truyền thống quan hệ bắt nguồn từ sự tin tưởng, thân thiện lẫn nhau quan hệ Thái Lan - Việt Nam không ngừng phát triển, hai bên cũng đã có nhiều cuộc trao đổi giữa các đoàn cấp cao. Thủ tướng Thái Lan Thaksin Shinawatra sau khi nhậm chức, đã chọn Việt Nam là nước đầu tiên trong hành trình viếng thăm các nước ASEAN (25 - 26/4/2001). Hai nước nhất trí về một khuôn khổ hợp tác ổn định và lâu dài trong thập niên đầu của thế kỷ XXI được ký vào dịp kỷ niệm 25 năm thiết lập quan hệ Thái Lan và Việt Nam.

Hàng năm có nhiều chuyến thăm cấp cao, nhiều hiệp định, văn kiện được kí kết như chuyến viếng thăm lẫn nhau của Chủ tịch Quốc hội Việt

Nam Nguyễn Văn An tháng 9/2003, Thủ tướng Thái Lan Samak Sundaravej năm 2007, Thủ tướng Abhisit Vejjajiva vào ngày 10/7/2009. Bên cạnh đó, các cơ chế hợp tác song phương ra đời như: Nội các chung Việt Nam - Thái Lan do hai Thủ tướng đồng chủ trì lần thứ nhất tổ chức tại Đà Nẵng và tỉnh Na-khon Phan-nom (20-21/2/2004), Nhóm Công tác chung Chính trị - An ninh Việt Nam - Thái Lan cấp Thứ trưởng Bộ Công an Việt Nam và Tổng thư ký an ninh quốc gia Thái Lan: lần thứ 2 (2005); lần thứ 3 tại Thái Lan (03-04/7/2008), lần 4 tại Hà Nội (10-11/8/2011), Tham khảo chính trị giữa hai Bộ Ngoại giao cấp Thứ trưởng lần thứ nhất (25-26/3/2010). Đây chính là những cơ sở pháp lý thúc đẩy quan hệ hai nước ngày càng phát triển.

Như vậy, mặc dù dưới tác động của tình hình trong nước và thế giới, quan hệ chính trị - ngoại giao Thái Lan - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2011 ngày càng mở rộng và nâng cao hiệu quả các cơ chế hợp tác hiện có. Điều đó đã chứng tỏ sự vững chắc trong quan hệ của hai nước.

3.2. Hợp tác an ninh phi truyền thống

Trước tác động của bối cảnh thế giới, khu vực và tình hình nội tại của hai nước Thái Lan, Việt Nam, giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2011 lĩnh vực an ninh trong quan hệ song phương giữa hai nước Thái Lan và Việt Nam chủ yếu được diễn ra ở phạm vi an ninh phi truyền thống bởi vì các vấn đề an ninh truyền thống giữa hai nước cơ bản được giải quyết, hơn nữa trên thực tế, hợp tác quốc phòng và an ninh giữa hai nước đang còn ở mức độ tham khảo, tư vấn lẫn nhau chứ chưa đi nhiều vào thực chất.

Về vấn đề an ninh phi truyền thống, hai nước luôn quan tâm và tập trung trao đổi để tìm biện pháp nhằm hạn chế những vấn đề như khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh, thiên tai, khủng hoảng năng lượng, khủng hoảng lương thực...

Việt Nam và Thái Lan dành ưu tiên cho các vấn đề như: ma túy; tuần tra chung ở Vịnh Thái Lan; và nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Hai nước tiến hành tăng cường hợp tác với các cơ quan an ninh, cảnh sát, thiết lập hành lang pháp lý, xây dựng các chương trình, kế hoạch và cơ chế hợp tác phù hợp để cùng nhau phối hợp hành động chung và đề ra những giải pháp quan trọng nhằm đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống hiện nay.

Tiểu kết chương 3

Mối quan hệ chính trị - ngoại giao Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011 tuy diễn ra trong hoàn cảnh ở mỗi nước đều gặp những khó khăn, chịu sự tác động của tình hình thế giới và khu vực, đặc

biệt là sự bất đồng, nghi kỵ giữa hai nước vốn có trong lịch sử, hơn nữa mỗi quan hệ này thực sự mới được nối lại sau bao nhiêu năm đối đầu, nhưng Thái Lan và Việt Nam đã không ngừng nỗ lực vượt qua mọi rào cản để đến với nhau. Bên cạnh mối quan hệ về lĩnh vực chính trị - ngoại giao, mối quan hệ về an ninh phi truyền thống đóng vai trò rất quan trọng trong việc ổn định chính trị và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Như vậy, tìm hiểu một cách có hệ thống quan hệ chính trị - ngoại giao, an ninh phi truyền thống giữa Thái Lan và Việt Nam từ năm 1991 đến 2011 dựa trên phân tích thực trạng hợp tác là việc làm cần thiết, nhất là trong bối cảnh đang có sự biến động lớn của môi trường địa chính trị và trật tự trong thế kỷ XXI.

CHƯƠNG 4: QUAN HỆ KINH TẾ VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC GIỮA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2011

4.1. Quan hệ kinh tế

*** Về thương mại:**

Hàng loạt các văn bản được ký kết giữa hai nước đã tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy quan hệ kinh tế của Thái Lan và Việt Nam phát triển. Đối với Việt Nam, Thái Lan luôn nằm trong 10 các quốc gia có quan hệ thương mại lớn nhất với Việt Nam. Trong vòng 20 năm từ 1991 đến 2011, tổng kim ngạch buôn bán hai chiều của Thái Lan và Việt Nam tăng rất nhanh. Nếu như năm 1991 là 138,36 triệu USD thì đến năm 2000 tăng lên 9,09 tỷ USD, gấp 65,6 lần.

Thái Lan xuất khẩu sang Việt Nam là: xe máy và phụ tùng xe máy, hạt polime, sắt và sản phẩm từ sắt, hóa chất, xăng, máy móc, vải, gas, xi măng. Thái Lan nhập khẩu các mặt hàng của Việt Nam: máy móc điện và các bộ phận lắp ráp, máy móc gia dụng, bảng mạch in, quặng kim loại và kim loại, than đá, thiết bị máy tính. Qua nghiên cứu và so sánh, hàng hóa Thái Lan xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là mặt hàng đã qua chế biến hoặc là sản phẩm hoàn thiện, còn hàng hóa Thái Lan nhập khẩu từ Việt Nam chủ yếu là nguyên liệu thô, chưa qua chế biến, hoặc chế biến một phần...

Cán cân thương mại giữa Thái Lan và Việt Nam trong 20 năm qua luôn ở trạng thái không cân bằng với mức thâm hụt nghiêng về phía Việt Nam. Thái Lan luôn là nước xuất siêu lớn và Việt Nam trở thành nước nhập siêu nhiều hơn. Sự chênh lệch trong cán cân thương mại là một sự bất lợi trong quan hệ thương mại giữa hai nước

*** Về đầu tư:**

Tháng 12/1987, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Đến năm 1991, những liên doanh đầu tiên của Thái Lan tại Việt Nam đã được cấp phép hoạt động và nguồn đầu tư của Thái Lan ngày càng tăng lên khi Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN.

Đầu tư của Thái Lan vào Việt Nam nổi bật ở các điểm sau: Quy mô dự án là vừa và nhỏ, thu lời nhanh, ít có đầu tư dài hạn. Các dự án đầu tư của Thái Lan vào Việt Nam chủ yếu là: chế biến nông sản, sản xuất thức ăn gia súc, kinh doanh du lịch - khách sạn, chế tác đá quý, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ ngân hàng. Về cơ cấu dự án đầu tư: ngành công nghiệp chiếm 63,3% trong tổng số các dự án và 46,8% tổng số vốn đầu tư Thái Lan vào Việt Nam, kinh doanh khách sạn du lịch chiếm 19,6% tổng số dự án và 32,7% tổng số vốn đầu tư, ngành tài chính ngân hàng chiếm 4,9 tổng dự án và 7,6 % tổng vốn đầu tư, còn lại là phân bổ cho các ngành khác. Hình thức đầu tư: Các nhà đầu tư của Thái Lan hoạt động phổ biến theo hình thức liên doanh, chiếm hơn 80% số dự án cũng như giá trị đầu tư. Khu vực đầu tư, tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố có cơ sở hạ tầng phát triển, có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, có nguồn tài nguyên phong phú và lao động dồi dào: thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Hà Nội... Tính đến năm 2011, Thái Lan đầu tư vào Việt Nam 236 dự án với tổng số vốn là 5,7 tỷ USD.

4.2. Quan hệ Thái Lan – Việt Nam trên một số lĩnh vực khác

4.2.1. Giao lưu văn hóa

4.2.1.1. Giao lưu nhân dân

Hội Hữu nghị Thái Lan - Việt Nam và Hội hữu nghị Việt Nam - Thái Lan chính là cầu nối triển khai các hoạt động giao lưu. Người Việt ở Thái Lan điển hình cho mối quan hệ ngoại giao nhân dân vì trong mối quan hệ giữa hai nước thì vai trò của cộng đồng người Việt Nam tại Thái Lan chính là nền tảng vững chắc để xây dựng mối quan hệ bền vững này. Thái Lan và Việt Nam còn tích cực tiến hành giao lưu thanh niên, bởi vì thanh niên là tầng lớp trẻ năng động đóng vai trò là người chủ tương lai của đất nước và khu vực, được đánh giá là một phần không thể thiếu trong việc thúc đẩy giao lưu nhân dân giữa hai nước.

4.2.1.2. Giao lưu nghệ thuật

Đây là một trong những sự kiện mang dấu ấn quan trọng trong quan hệ hữu nghị của hai nước. Những hoạt động giao lưu nghệ thuật tạo nên

những giá trị tinh thần và tăng cường sự hiểu biết về bản sắc văn hóa của mỗi nước.

Như vậy, ở khía cạnh giao lưu nhân dân và giao lưu nghệ thuật chính là hình thức giao lưu văn hóa của hai nước. Qua đây, nhân dân Thái Lan và nhân dân Việt Nam hiểu rõ được bản sắc văn hóa của nhau, tạo cơ sở cho sự hòa nhập với nhau.

4.2.2. Hợp tác thể dục thể thao

Việt Nam và Thái Lan đã ký Thỏa thuận Hợp tác về Thể dục Thể thao ngày 18/12/2004.

Hợp tác thể dục thể thao không chỉ diễn ra trong phạm vi rộng đó là giữa nhà nước với nhà nước mà còn diễn ra ở phạm vi các trường học để nâng cao thể chất cho học sinh sinh viên.

4.2.3. Hợp tác giáo dục

Đây là hình thức liên kết để thúc đẩy sự phát triển về chất và lượng của giáo dục. Hợp tác diễn ra chủ yếu là giáo dục đại học: trao đổi sinh viên, dạy tiếng... Bên cạnh đó, hai nước Thái Lan và Việt Nam thường xuyên tổ chức các triển lãm giáo dục để giới thiệu, quảng bá mô hình giáo dục của đất nước mình.

4.2.4. Lĩnh vực du lịch

4.2.4.1. Cơ sở hợp tác du lịch Thái Lan – Việt Nam

Thứ nhất, Thái Lan và Việt Nam có sự gần kề về địa lý, thứ hai là Thái Lan - Việt Nam được biết đến là những quốc gia có nhiều di sản văn hóa và thiên nhiên hấp dẫn; thứ ba trong thời kỳ hội nhập quốc tế, Thái Lan - Việt Nam đều chú trọng đến hiệu quả và lợi ích mà ngành du lịch mang lại.

4.2.4.2. Thực trạng hợp tác du lịch Thái Lan - Việt Nam

Thái Lan là 1 trong 10 quốc gia có lượng khách du lịch đến Việt Nam nhiều nhất. Lượng khách du lịch của hai nước không ngừng tăng lên. Từ năm 1995, lượng khách Thái Lan sang Việt Nam là 23.117 nghìn người thì năm 2011 là 181.820 nghìn người, gấp 7,9 lần. Ngược lại lượng khách Việt Nam sang Thái Lan năm 2003 là 117.553 nghìn người thì đến năm 2011 tăng lên là 430.000 nghìn người, gấp 4,2 lần. Lượng khách Việt Nam sang Thái Lan năm 2011 gấp 2,36 lần lượng khách Thái Lan sang Việt Nam.

Tiểu kết chương 4

Qua 20 năm hợp tác phát triển (1991-2011) Thái Lan và Việt Nam đạt được những kết quả không nhỏ trên lĩnh vực kinh tế, du lịch, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao và giao lưu văn hóa. Điều đó khẳng định mối liên kết và tầm quan trọng của hai nước trong sự nghiệp phát triển của mỗi nước nói riêng và đối với khu vực nói chung.

CHƯƠNG 5: MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ THÁI LAN - VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2011

5.1. Đánh giá quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011

5.1.1. Quan hệ Thái Lan - Việt Nam giai đoạn 1991 - 2011 xu hướng hợp tác là chủ đạo

Lịch sử quan hệ hai nước Thái Lan và Việt Nam có nhiều biến động, lúc thăng lúc trầm đan xen nhau. Tuy nhiên, trước Chiến tranh Lạnh, xung đột là khuynh hướng chủ đạo trong quan hệ giữa hai nước. Nhưng từ sau Chiến tranh Lạnh, Thái Lan và Việt Nam đều thấy được ý nghĩa của việc hợp tác và nhu cầu khách quan của mỗi nước để phát triển, rằng nếu tiếp tục đối đầu trong khi tình hình khu vực và thế giới đã có sự biến chuyển mạnh mẽ sẽ làm cho hai nước đánh mất cơ hội và ngày càng tụt hậu. Vì vậy, Thái Lan và Việt Nam sẵn sàng bỏ qua tất cả những nghi kỵ, mâu thuẫn trong quá khứ để hướng tới sự hợp tác. Chính những điều này làm cho hai nước chỉ trong một thời gian ngắn đã rất khẩn trương tranh thủ mọi cơ hội triển khai quan hệ thân thiện, tin cậy lẫn nhau trên tất cả các lĩnh vực và sự hợp tác về mọi mặt. Điều đó đã được chứng minh qua kết quả hợp tác giữa hai nước trên các lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội.

5.1.2. Quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011 tính toàn diện và sâu sắc ngày càng cao

Từ năm 1991, khi “Vấn đề Campuchia” được giải quyết, với cách nhìn nhận mới của chính phủ Thái Lan đặt lợi ích kinh tế lên trên lợi ích an ninh: “Biển Đông Dương từ chiến trường thành thị trường” đã làm cho quan hệ Thái Lan - Việt Nam tiến triển nhanh chóng về nhiều mặt. Trong xu thế mới của quá trình hợp tác nhất là về lĩnh vực kinh tế từ sau Chiến tranh Lạnh được quan tâm hơn so với trước kia. Bên cạnh đó, chính phủ hai nước tích cực triển khai các hoạt động chính trị - ngoại giao toàn diện, sâu sắc hơn so với trước, đó là mối quan hệ này được cụ thể hoá ở nhiều mặt hợp tác và nhiều cấp độ khác nhau: Nhà nước, doanh nghiệp, nhân

dân. Quan hệ hai nước trên các lĩnh vực như du lịch, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao, giao lưu văn hóa giữa Thái Lan và Việt Nam càng được quan tâm và triển khai một cách tích cực hơn và đã đạt được những kết quả nhất định.

5.1.3. Quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011 đạt được nhiều thành tựu đã có những bước tiến vượt bậc cả về chất và lượng, cả tầm vĩ mô và vi mô trên nhiều lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế, giao lưu văn hóa, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao và du lịch.

5.1.4. Một số vấn đề còn tồn tại trong quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011:

Thứ nhất, nguyên nhân là do cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới Thái Lan và chính phủ Thái Lan thông báo phá giá đồng tiền vào ngày 2/7/1997 nên giá trị đồng Baht đã giảm xuống. Các cuộc khủng hoảng chính trị của Thái Lan 2008-2010 giữa Liên minh Nhân dân vì Dân chủ (PAD) và Đảng sức mạnh Nhân dân (PPP) của chính phủ thủ tướng Samak Sundaravej và Somchai Wongsawat, rồi tiếp đó là chính phủ của Đảng Dân chủ Thái Lan của thủ tướng Abhisit Vejjajiva và Mặt trận Quốc gia Thống nhất vì Dân chủ chống độc tài (UDD). Đây là sự tiếp nối của cuộc khủng hoảng chính trị tại Thái Lan từ năm 2005-2008, với việc PAD chống lại chính phủ của Thủ tướng Thaksin Shinawatra. Do bất ổn chính trị trong nước và tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu năm 2008 đã ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ thương mại hai nước giai đoạn này. *Thứ hai*, trong quan hệ thương mại của Thái Lan và Việt Nam, bộc lộ rõ nét sự mất cân đối. Việt Nam là nước nhập siêu chủ yếu từ Thái Lan. *Thứ ba*, so với lĩnh vực chính trị - ngoại giao và kinh tế thì lĩnh vực văn hóa - xã hội trong quan hệ hai nước mới chỉ thực sự bắt đầu hợp tác, trao đổi khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN (1995) và kết quả dành được từ đó đến nay cũng rất ít ỏi, chưa trở thành động lực thúc đẩy các quan hệ khác phát triển. Sự hợp tác văn hóa - xã hội chưa thực sự phát triển đúng với tiềm năng của quan hệ hai nước. Xét về vị trí của lĩnh vực hợp tác này trong tổng thể quan hệ Thái Lan - Việt Nam còn hạn chế.

5.2. Tác động của quan hệ Thái Lan - Việt Nam

5.2.1 Tác động đối với Việt Nam

Thứ nhất, việc tăng cường quan hệ với Thái Lan đã tạo ra môi trường an ninh hợp tác khu vực cho Việt Nam.

Thứ hai, Thái Lan là một đối tác kinh tế, văn hóa – xã hội quan trọng của Việt Nam.

Thứ ba, quan hệ giữa Thái Lan với Việt Nam giúp Việt Nam có lợi thế hơn trong việc quan hệ với các nước lớn, điển hình là Mỹ và Trung Quốc.

5.2.2 Tác động tới Thái Lan

Thứ nhất, quan hệ hai nước tốt đẹp sẽ giúp tạo ra môi trường an ninh hợp tác khu vực cho Thái Lan.

Thứ hai, Việt Nam là một đối tác quan trọng giúp phát triển kinh tế, góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa, xã hội.

Thứ ba, quan hệ kinh tế của hai nước cũng tạo ra khả năng phối hợp và cạnh tranh trong một số ngành hàng xuất khẩu.

Thứ tư, quan hệ với Việt Nam sẽ tạo cơ hội cho Thái Lan nâng cao vị thế ở Đông Nam Á lục địa.

Thứ năm, Thái Lan có thể phối hợp với Việt Nam trong việc làm giảm thái độ quá khích của một số phần tử ở Campuchia.

5.2.3. Tác động tới khu vực

Thứ nhất, đóng góp cho hòa bình ổn định trong khu vực ASEAN.

Thứ hai, đóng góp cho việc nâng cao vai trò trung tâm của ASEAN.

Thứ ba, đóng góp cho củng cố và phát triển Cộng đồng ASEAN.

Thứ tư, quan hệ Thái Lan và Việt Nam tốt đẹp sẽ góp phần làm giảm sự chi phối của Trung Quốc về vấn đề biển Đông đối với khu vực ASEAN.

Thứ năm, đẩy mạnh hội nhập trong ASEAN.

KẾT LUẬN

1. Trong khu vực Đông Nam Á, Thái Lan và Việt Nam là hai quốc gia sớm có mối liên hệ về kinh tế - văn hóa và tộc người, đó chính là nền tảng tạo nên quan hệ giữa hai nước. Do vậy, ngoại giao Thái Lan - Việt Nam đã hình thành từ rất sớm trong lịch sử. Quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011 là sự kế thừa truyền thống quan hệ của hai nước trước kia, điều này tạo điều kiện cho nhân dân hai nước có những mối liên hệ gắn kết từ rất sớm. Mối quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước năm 1991 diễn ra lúc thăng lúc trầm nhưng khắc phục những mâu thuẫn trong quá khứ, từ sau Chiến tranh Lạnh, hai nước tích cực hợp tác phát

triển theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Mỗi quan hệ này sẽ luôn được tăng cường khi hòa bình, ổn định, hợp tác đang là xu thế nổi trội trên thế giới.

2. Bối cảnh quốc tế từ sau Chiến tranh Lạnh bên cạnh xu hướng hòa bình, hợp tác và phát triển, thế giới vẫn còn các cuộc khủng hoảng, tranh chấp hay xung đột có tính chất khu vực và đặc biệt là chủ nghĩa khủng bố và cuộc chiến chống khủng bố; năng lượng nói chung và dầu mỏ nói riêng đang trở thành một vấn đề cấp thiết mang tính toàn cầu; các nước lớn vừa hợp tác vừa cạnh tranh, vừa kiềm chế vừa thúc đẩy lẫn nhau, cố gắng tạo cho mình chỗ đứng mới trên chính trường quốc tế. Chiến tranh Lạnh kết thúc đã tạo thời cơ thuận lợi cho các nước Đông Nam Á xóa bỏ rào cản ngăn cách giữa các quốc gia trong khu vực. Bên cạnh đó, Đông Nam Á vẫn là một địa bàn quan trọng mà các nước lớn luôn dòm ngó tới. Nhu cầu đòi hỏi cấp bách của thế giới và khu vực đã tác động mạnh mẽ đến từng quốc gia về vấn đề quan hệ quốc tế và thúc đẩy quan hệ quốc tế có điều kiện mở rộng. Thái Lan và Việt Nam đứng trước xu thế chung của thời đại đã đổi mới chính sách đối ngoại của mình để tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu nhằm ngày càng tạo ra sự gắn kết bền vững giữa hai nước.

3. Quan hệ Thái Lan - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2011 là một bước phát triển cao hơn rất nhiều so với trước năm 1991, đó sự thay đổi về chất được thể hiện qua những thành tựu đạt được và tính chất cơ bản trong quan hệ hai nước là đoàn kết, hữu nghị, hợp tác.

Trong lĩnh vực chính trị - an ninh được hai nước tăng cường sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau thông qua trao đổi các chuyến thăm cấp cao và đối thoại chính trị - ngoại giao chiến lược, 30 văn kiện được ký kết tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển và tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực khác nhau. Tích cực phối hợp trong vấn đề an ninh phi truyền thống như: ma túy; tuần tra chung ở Vịnh Thái Lan; và nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Về kinh tế, trong 20 năm trở lại đây, kim ngạch buôn bán hai chiều không ngừng gia tăng. Năm 1991 là 138,36 triệu USD và sau 20 năm tăng lên là 9,090 tỷ USD (2011). Số lượng các dự án đầu tư của Thái Lan vào Việt Nam cũng liên tục gia tăng. Nếu như năm 1991, số dự án Thái Lan đầu tư vào Việt Nam mới là 5 và tổng số vốn là 20,5 triệu USD thì đến năm 2011, Thái Lan đầu tư vào Việt Nam 236 dự án với tổng số vốn là 5,7 tỷ USD. Về các lĩnh vực khác, Thái Lan và Việt Nam đặc biệt quan tâm tới giáo dục đào tạo, hợp tác thể dục thể thao, và giao lưu văn hóa hai nước để tạo sự kết tinh, trao đổi, tăng cường tình thân hiểu biết lẫn nhau giữa hai dân tộc. Số lượng khách du lịch hàng

năm của hai nước ngày càng nhiều, mang lại sự phát triển kinh tế ngày càng cao trong quan hệ hai nước.

4. Đánh giá về quan hệ Thái Lan - Việt Nam trong vòng 20 năm qua (1991-2011) nổi bật xu hướng hợp tác trong quan hệ hai nước là chủ đạo và tính toàn diện sâu sắc ngày càng cao. Vì thế, quan hệ hai nước đã góp phần tác động tới Việt Nam, Thái Lan và khu vực. Mỗi quan hệ này đã tạo ra môi trường an ninh hợp tác khu vực cho hai nước và là đối tác kinh tế, văn hóa - xã hội quan trọng của nhau. Quan hệ với Thái Lan giúp Việt Nam có lợi thế hơn trong việc quan hệ với các nước lớn. Ngoài ra, quan hệ Thái Lan - Việt Nam đã góp phần hòa bình ổn định trong khu vực, nâng cao vai trò trung tâm của ASEAN, củng cố và phát triển Cộng đồng ASEAN.

5. Trước những thành quả đã đạt được, trong những năm tiếp theo, quan hệ hai nước sẽ có nhiều triển vọng. Hai nước tiếp tục các hợp tác chính trị thông qua việc tăng cường các cuộc tiếp xúc cấp cao. Về kinh tế, hai bên tăng cường thương mại song phương với mục tiêu đề ra là 20.000 triệu USD vào năm 2020. Hiện nay, Thái Lan là nhà đầu tư thứ 10 trong tổng số các nhà đầu tư vào Việt Nam với gần 500 dự án tổng vốn gần 10 tỉ đô la. Hai nước khuyến khích hơn nữa đầu tư trực tiếp giữa các địa phương và các hình thức liên doanh để có thể khai thác mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài, tích cực tăng cường về hợp tác lao động, giao lưu văn hoá để góp phần hiểu biết hơn những tinh hoa văn hoá dân tộc, đồng thời giúp nhau giữ vững bản sắc dân tộc trước các thách thức của toàn cầu hoá.

Như vậy, trong quan hệ giữa hai nước hiện nay, Thái Lan và Việt Nam đang biết tận dụng và khai thác lợi thế của nhau nhằm đưa lại vị thế ngày một tăng của mỗi nước trong khu vực và trên trường quốc tế. Sự phát triển mạnh mẽ toàn diện và những thành tựu đạt được trên mọi lĩnh vực của quan hệ Thái Lan - Việt Nam trong thời gian qua cũng đã chứng minh cho điều đó. Tuy nhiên, mỗi quan hệ này vẫn chịu nhiều tác động sâu sắc của những nhân tố ở trong nước lẫn ngoài nước. Vì vậy, Thái Lan và Việt Nam cần phải nỗ lực nhiều hơn để phát huy hết tiềm lực vốn có của mỗi nước, đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực nhằm đưa lại lợi ích tối đa cho mỗi dân tộc.